

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH K**

**Bản án số: 95/2018/HSPT
Ngày: 21/8/2018**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÂM VƯƠNG MỸ LINH**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **TRẦN THỊ THANH TUYẾT**

2/ Ông **NGUYỄN TUẤN LONG**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh K

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K tham gia phiên tòa:* Ông **VÕ VĂN THÀNH** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 96/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lương Bảo L, Thái Thị Vương V, Phan Thị Thanh T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 03/04/2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ NGUYỄN HỮU T (tên gọi khác: **Đỏ**) - Sinh năm 1992 tại KH

Nơi cư trú: Thôn Q, xã D, huyện D, tỉnh K.

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Nguyễn Văn Th – sinh năm 1956 và bà: Tô Thị A – sinh năm 1957

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2/ LƯƠNG BẢO L (tên gọi khác: **Bin**) - Sinh năm 1991 tại KH

Nơi cư trú: Thôn M, xã D, huyện D, tỉnh K.

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Lương Văn C – sinh năm 1967 và bà: Nguyễn Thị Lệ D – sinh năm 1972

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3/ THÁI THỊ VƯƠNG V (tên gọi khác: **Rồng**) - Sinh năm 1977 tại KH

Nơi cư trú: Thôn Q, xã D, huyện D, tỉnh K.

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hoá: không biết chữ; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Thái Văn R – sinh năm 1948 và bà: Nguyễn Thị L – sinh năm

1951

Chồng: Lê Xuân T – sinh năm 1977

Có hai con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2014

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4/ PHAN THỊ THANH T1 - Sinh năm 1995 tại Khánh Hòa

Nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện D, tỉnh K.

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Phan Văn H – sinh năm 1964 và bà: Diệp Thị Kim P – sinh năm

1964

Chồng: Lê Vĩnh Hùng H – sinh năm 1993

Có một con sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu T và Thái Thị Vương V:*

Luật sư Cao Như Y – Văn phòng Luật sư Lê Văn T và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K. Luật sư có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 07/02/2017, Phan Thị Thanh T1 là chủ quán cà phê giải khát tại thôn L, xã D, huyện D đã đồng ý sử dụng địa điểm, cung cấp bài, một đĩa sứ làm dụng cụ đánh bạc cho Nguyễn Hữu T, đề T1 bán nước và lấy tiền xâu.

Lương Bảo L và Nguyễn Hữu T bàn nhau mỗi người góp 5.000.000 đồng, tổng cộng là 10.000.000 đồng để vào làm cái đánh bạc, dụng cụ đánh bạc gồm 1 bộ bài tây 52 lá, 1 đĩa sứ do T1 cung cấp, hình thức đánh bạc là đánh bài xì lác được thua bằng tiền và trả tiền xâu cho T1 là 50.000 đồng sau mỗi ván nếu nhà cái thắng hết các cửa. Sòng bạc hoạt động có 5 cửa bài đánh chính gồm: Thái Văn T2, Thái Thị Vương V, Thái Thị L, Phan Mỹ H, Phan Lệ N và một cửa của nhà cái. Ngoài những người tham gia làm cái và đánh chính trên thì còn có một số người đứng ngoài tham gia đặt tiền đánh theo các cửa bài gồm: Võ Thị N là người đặt tiền đánh theo cửa của nhà cái và một số người tham gia đặt tiền vào các cửa chính (không xác định nhân thân). T và L quy định các cửa đánh chính đặt ít nhất 400.000 đồng/ván và cao nhất 1.000.000 đồng/ván. T là người chia bài và kiểm tra bài của các cửa xác định thắng thua, L là người thu và chung tiền. Trong quá trình

sòng bạc hoạt động thì Thái Văn T2 và Thái Thị L thua hết tiền nên nghỉ chơi. Lúc này Thái Thị Vương V1 vào đánh thay cửa của T2, Nguyễn Thị Minh L vào đánh thay ở cửa của L. Số tiền dùng để tham gia đánh bạc của các con bạc cụ thể: T và L là 20.200.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền thắng bạc 10.200.000 đồng), Võ Thị N là 2.650.000 đồng (tiền gốc 2.300.000 đồng và tiền thắng bạc 350.000 đồng), Thái Thị Vương V1 là 400.000 đồng tiền gốc, Thái Thị Vương V là 220.000 đồng tiền gốc, Nguyễn Thị Minh L là 290.000 đồng (tiền gốc 200.000 đồng và tiền thắng bạc 90.000 đồng), Phan Lệ N là 500.000 đồng tiền gốc, Phan Mỹ H là 800.000 đồng tiền gốc, Thái Văn T2 là 500.000 đồng tiền gốc, Thái Thị L là 100.000 đồng tiền gốc. Số tiền xâu Phan Thị Thanh T1 thu được khi các con bạc tham gia đánh bạc là 250.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 25.910.000 đồng. Sòng bạc hoạt động đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì xảy ra kinh cãi, xô xát giữa các con bạc và nhà cái nên ngừng chơi. Công an xã D phát hiện đến lập biên bản và mời những người tham gia đánh bạc về làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Nguyễn Hữu T, Lương Bảo L, Võ Thị N, Thái Thị Vương V, Thái Thị Vương V1, Nguyễn Thị Minh L, Phan Lệ N, Phan Mỹ H, Thái Văn T2, Thái Thị L, Phan Thị Thanh T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Số tiền đánh bạc mà Lương Bảo L đã nộp là 10.200.000 đồng, Võ Thị N 350.000 đồng, Thái Thị Vương V 80.000 đồng, Nguyễn Thị Minh L 290.000 đồng, Phan Lệ N 100.000 đồng, Phan Thị Thanh T1 250.000 đồng.

Số tiền dùng để đánh bạc mà Lương Bảo L chưa nộp là 5.000.000 đồng, Nguyễn Hữu T 5.000.000 đồng, Võ Thị N 2.300.000 đồng, Thái Thị Vương V1 400.000 đồng, Thái Thị Vương V 140.000 đồng, Phan Lệ N 400.000 đồng, Phan Mỹ H 800.000 đồng, Thái Văn T2 500.000 đồng, Thái Thị L 100.000 đồng.

Đối với hành vi đánh bạc của nhóm người đánh bạc trước khi Lương Bảo L và Nguyễn Hữu T làm cái và một số người tham gia đặt tiền vào các cửa chính (không xác định nhân thân, lai lịch), Cơ quan điều tra Công an huyện D tiếp tục xác minh và xử lý sau.

Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 03/04/2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K đã quyết định: Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Hữu T 1 năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 2 Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Lương Bảo L 9 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Thái Thị Vương V 9 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 249, điểm h, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 30 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Thị Thanh T1 1 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt

bổ sung đối với các bị cáo, về vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 04/4/2018, 09/4/2018 và 17/4/2018, các bị cáo Lương Bảo L, Nguyễn Hữu T, Thái Thị Vương V và Phan Thị Thanh T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin được hưởng án treo, ngoài ra các bị cáo Nguyễn Hữu T và Thái Thị Vương V còn yêu cầu xin được giảm mức hình phạt tiền bổ sung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lương Bảo L, Thái Thị Vương V và sửa bản án sơ thẩm, giảm mức hình phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T và Thái Thị Vương V. Đối với bị cáo Lương Bảo L, đề nghị giữ nguyên mức hình phạt, xử phạt bị cáo L 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Đề nghị giữ nguyên mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Phan Thị Thanh T1.

Luật sư Cao Như Y đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Nguyễn Hữu T được hưởng mức hình phạt tù thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với bị cáo Thái Thị Vương V, luật sư đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 vì bị cáo V có ông nội là liệt sĩ, bản thân bị cáo đang nuôi con nhỏ, và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Về hình phạt bổ sung, tuy bị cáo V không thuộc hộ nghèo nhưng mức phạt tiền bổ sung là quá cao so với hành vi của bị cáo nên luật sư đề nghị xem xét giảm mức phạt tiền đối với bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lương Bảo L, Thái Thị Vương V, Phan Thị Thanh T1 xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo được các bị cáo Lương Bảo L, Nguyễn Hữu T, Thái Thị Vương V, Phan Thị Thanh T1 nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện D vào các ngày 04/04/2018, 09/4/2018 và 17/4/2018. Theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đơn kháng cáo của những bị cáo nói trên là hợp pháp, do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lương Bảo L, Thái Thị Vương V, Phan Thị Thanh T1 thừa nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở để xác định rằng, vào ngày 07/2/2017, các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lương Bảo L, Thái Thị

Vương V đã có hành vi đánh bạc trái phép với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 25.910.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối với hành vi sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình cho các bị cáo khác đánh bạc để thu tiền xâu của Phan Thị Thanh T1 đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999.

So sánh giữa khoản 1 Điều 248, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 321, khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhận thấy khoản 1 Điều 248 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định mức hình phạt nhẹ hơn so với khoản 1 Điều 321 và khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên về các tình tiết cấu thành tội phạm, quy định tại Điều 321 và Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có lợi hơn cho các bị cáo. Căn cứ điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 248, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 và các tình tiết có lợi cho bị cáo quy định tại Điều 321, Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

[3] Về nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Phan Thị Thanh T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo mức hình phạt 1 năm tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phan Thị Thanh T1 không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo. Hành vi của bị cáo Phan Thị Thanh T1 đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhưng tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc” được quy định trong cùng điều luật là chưa chính xác, nên cấp phúc thẩm sửa đổi lại cho phù hợp.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu T: Bị cáo Nguyễn Hữu T kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xác định bị cáo là người tổ chức đánh bạc là không đúng. Tuy nhiên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, chứ không xác định bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Về hành vi đánh bạc của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Hữu T là người trực tiếp rủ rê các bị cáo khác, trực tiếp thỏa thuận tiền xâu với Phan Thị Thanh T1, đồng thời là người trực tiếp làm cái, chia bài và kiểm tra bài của các cửa xác định thắng thua. Bị cáo đóng vai trò tích cực, chủ động trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng cho bị cáo mức hình phạt cao hơn đối với các bị cáo khác. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu T đã tự nguyện nộp số tiền phạt bổ sung và số tiền

dùng để đánh bạc bị truy thu nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Lương Bảo L, nhận thấy trong vụ án, bị cáo là người bị Nguyễn Hữu T rủ rê đánh bạc, bị cáo có hành vi giúp cho Nguyễn Hữu T thu và chung tiền cho những người chơi đánh bạc nên có vai trò hạn chế hơn so với bị cáo Nguyễn Hữu T. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc còn lại, đồng thời bị cáo có thời gian phục vụ dài hạn trong quân đội, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cần thiết giữ nguyên mức hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và buộc bị cáo thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Thái Thị Vương V, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Thái Thị Vương V đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt tiền vào ngày 10/10/2007 và đã chấp hành xong quyết định xử phạt vào ngày 11/10/2007, như vậy thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn 6 tháng. Tuy bị cáo tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác, nhưng số tiền gốc bị cáo sử dụng để đánh bạc không lớn, bị cáo có người thân (ông nội) là liệt sĩ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, chưa được xem xét ở cấp sơ thẩm; đồng thời bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Thái Thị Vương V đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo mới tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Lương Bảo L và Thái Thị Vương V.

Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu T và Thái Thị Vương V về mức hình phạt tiền bổ sung, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mức hình phạt tiền bổ sung được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T và Thái Thị Vương V là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và điều kiện kinh tế của các bị cáo, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm mức hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T và Thái Thị Vương V.

[4] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lương Bảo L và Thái Thị Vương V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phan Thị Thanh T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Bảo L, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu T và Thái Thị Vương V, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K về hình phạt chính đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lương Bảo L và Thái Thị Vương V.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Thị Thanh T1 và một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu T, Thái Thị Vương V về hình phạt bổ sung, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo Phan Thị Thanh T1 và mức hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T, Thái Thị Vương V.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 30, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T;

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN HỮU T 10 (mười) tháng tù** về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Hữu T số tiền 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 30, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lương Bảo L;

Xử phạt bị cáo **LƯƠNG BẢO L 9 (chín) tháng tù** về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 năm 6 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lương Bảo L cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh K theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 30, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Thái Thị Vương V;

Xử phạt bị cáo **THÁI THỊ VƯƠNG V 6 (sáu) tháng tù** về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Thái Thị Vương V cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh K theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo Thái Thị Vương V số tiền 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Phan Thị Thanh T1;*

Xử phạt bị cáo **PHAN THỊ THANH T1 1 (một) năm tù** về tội “Gá bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2/ **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lương Bảo L và Thái Thị Vương V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phan Thị Thanh T1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 - TANDTC
- VKSND tỉnh K
- Công an huyện D
- VKSND huyện D
- Chi cục THADS huyện D
- TAND huyện D
- Sở Tư pháp tỉnh K
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

LÂM VƯƠNG MỸ LINH